

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 06-8-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Văn Chương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Bùi Văn L; địa chỉ: Thôn C, xã TQ, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Trương Thị K; địa chỉ: Thôn NM, xã TYC, thành phố BU, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012, sau khi sinh con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống. Mâu thuẫn căng thẳng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Anh Bùi Văn L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn Trương Thị K. Vợ chồng có một con chung tên Bùi Mạnh C sinh ngày 20 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn anh Bùi Văn L xin được nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con để vợ chồng tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Vợ chồng không có tài sản chung nên không nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Thừa nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh trình bày là đúng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Bùi Văn L xin ly hôn chị Trương Thị K đồng ý ly hôn. Chị Trương Thị K đồng ý với trình bày của anh Bùi Văn L về con chung và tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữ anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K. Về con chung, vợ chồng có một con chung nên giao con cho anh Bùi Văn L nuôi. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung không xem xét giải quyết vì không có yêu cầu giải quyết. Anh Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản tự khai của các đương sự; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của con; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K không có đăng ký kết hôn và có một con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đương sự có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc chung sống giữa anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K từ năm 2011 mặc dù có tổ chức cưới và đến nay đã có một con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Nay anh Bùi Văn L có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K có một con chung tên Bùi Mạnh C sinh ngày 20 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn anh Bùi Văn L xin nuôi con, chị Trương Thị K đồng ý để cho anh Bùi Văn L nuôi con. Do vậy giao cho anh Bùi Văn L trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con chung anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K.

2. Về con chung: Xác định anh Bùi Văn L và chị Trương Thị K có một con chung tên Bùi Mạnh C sinh ngày 20 tháng 7 năm 2012. Giao cho anh Bùi Văn L trực tiếp nuôi con chung. Việc nuôi con được thực hiện đến khi con đủ 18 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009174 ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; anh Bùi Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã TQ;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**